

BẢN TIN MÙA
DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC PHỤC VỤ VẬN HÀNH CÔNG TRÌNH THỦY LỢI CẤP NƯỚC CHO SẢN XUẤT VỤ ĐÔNG XUÂN NĂM 2018-2019

Lưu vực sông Gianh – Nhật Lệ và phụ cận, tỉnh Quảng Bình

I. TÌNH HÌNH NGUỒN NƯỚC

1. Lượng mưa

1.6-16.10.2018

16.12.2018-14.5.2019

TT	Trạm	Lượng mưa cộng dồn (mm)	So sánh với cùng kỳ (+/-%)			Dự báo tình hình mưa trong vụ sản xuất ĐX 2018-2019 (mm)
			Trung bình nhiều năm	Năm 2017	Năm 2016	
	Vùng sông Gianh					
1	Ba Đồn	658,8	-41	-52	-58	108,5
2	Tuyên Hóa	850,3	-40	-60	-58	102,3
3	Đồng Tâm	808,0	-46	-56	-48	96,9
	Trung bình vùng S Gianh	783,9				101,7
	Vùng Nhật Lệ					
4	Đồng Hới	524,2	-55	-64	-74	116,1
5	Lệ Thủy	635,0	-47	-37	-64	92,8
6	Kiến Giang	737,0	-43	-27	-54	96,6
	Trung bình vùng Nhật Lệ	614,0				99,4

Nhận xét:

Lượng mưa lũy tích từ đầu tháng 6/2018 đến thời điểm hiện tại vùng lưu vực sông Gianh ở Quảng Bình đạt thấp hơn so với TBNN từ 40-46%; Vùng sông Nhật Lệ thấp hơn TBNN từ 42,5-54,5%. So với cùng kỳ năm 2017, toàn vùng sông Gianh thấp hơn từ 52-60%; Vùng sông Nhật Lệ thấp hơn từ 27-64%.

Dự báo lượng mưa vụ Đông Xuân năm 2018-2019 sắp tới, tại các trạm vùng lưu vực sông Gianh ở Quảng Bình có khả năng thấp hơn so với TBNN từ 62-71%; Vùng Nhật Lệ có thể thấp hơn TBNN từ 65-78%; So với cùng kỳ năm 2017-2018, vùng sông Gianh thấp hơn từ 48-80%, vùng sông Nhật Lệ thấp hơn từ 57-81%; So với cùng kỳ năm 2016-2017, vùng sông Gianh có khả năng thấp hơn từ 61-80%; Vùng sông Nhật Lệ có thể thấp hơn khoảng 57-81.

2. Nguồn nước trong các công trình thủy lợi, thủy điện



a) Nguồn nước trữ các hồ chứa thủy lợi

STT	Tên công trình	Dung tích trữ thiết kế (triệu m ³)	W trữ hiện tại so với Wtk (%)	So sánh với cùng kỳ (+/-%)			Dự báo xu thế nguồn nước	Dự kiến W trữ cuối vụ (%)
				Trung bình nhiều năm	2017	2016		
1	Minh Cầm (Bẹ)	6,10	67		-35	-35	Giảm	75
2	Vực Sanh	3,28	15		-85	-86	Giảm	24
3	Đồng Ran	5,72	14		-86	-87	Giảm	27
4	Vực Nồi	13,60	31		-69	-69	Giảm	37
5	Tiên Lang	17,50	25		-75	-76	Giảm	34
6	Vực Tròn	52,80	59		-24	-33	Giảm	77
7	Sông Thai	6,25	46		-5	-28	Giảm	65
8	Trung Thuần	4,05	25		-75	-77	Giảm	62
9	Thác Chuối	33,36	13		-75	-77	Tăng	87
10	Phú Vinh	22,36	22		-63	-80	Giảm	57
11	Rào Đá	82,42	41		-29	-53	Tăng	56
12	Cầm Ly	42,00	54		-32	-33	Giảm	63
13	An Mã	67,84	38		-15	-61	Giảm	59
14	Phú Hòa	8,64	37		-44	-48	Giảm	64
15	Thanh Sơn	7,34	47		-51	-47	Giảm	71
16	Cửa Nghè	0,81	28		-72	-72	Tăng	88
	Trung bình		39		-41	-56		62

Nhận xét:

- Hiện tại hầu hết các hồ trên địa bàn tỉnh Quảng Bình có dung tích đạt từ 30% so với thiết kế. Trong đó, tổng dung tích của 16 hồ chứa tại tỉnh Quảng Bình đạt 39% so với thiết kế (hồ có tỷ lệ trữ thấp so với thiết kế là hồ Thác Chuối đạt 13%, hồ Đồng Ran 14% và hồ Vực Sanh đang cạn nước); thấp hơn so với cùng kỳ năm 2017 (-41%); năm 2016 (-56%).

- Dự báo xu thế nguồn nước cuối vụ Đông Xuân năm 2018-2019 tại 16 hồ chứa trên địa bàn tỉnh Quảng Bình có 13 hồ giảm so với nguồn nước cuối vụ Đông Xuân năm 2017-2018 và 3 hồ tăng so với nguồn nước vụ Đông xuân năm 2017-2018.

- Kết quả tính toán cân bằng nước cho thấy đến cuối vụ Đông Xuân tất cả các hồ đều đáp ứng nhiệm vụ được giao và dung tích hầu hết của các hồ còn lại đạt trên 50% so với dung tích thiết kế. Có một số hồ đến cuối vụ Đông Xuân dung tích trữ thấp so với thiết kế như hồ Vực Sanh đạt 24%, hồ Đồng Ran đạt 27% và hồ Tiên Lang đạt 34% nếu không có mưa bổ sung thì dễ thiếu nước trong vụ Hè Thu.

II. KHẢ NĂNG CẤP NƯỚC CỦA CÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI VÀ NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH HẠN HÁN

1. Các kịch bản hạn hán



❖ Mục tiêu xây dựng kịch bản

Xây dựng được cơ sở dữ liệu nền về nguồn nước, tình hình sản xuất và thiệt hại, làm tham chiếu nhằm phục vụ công tác quản lý điều hành sản xuất nông nghiệp.

❖ Phương pháp thực hiện: Dựa trên 2 nhóm yếu tố chính

(1) Nguồn nước (lượng mưa): Dựa vào (a) QĐ 44/2014/QĐ-TTg hướng dẫn về cấp độ rủi ro thiên tai; (b) “Qui định kỹ thuật về công tác dự báo nguồn nước, xây dựng kế hoạch sử dụng nước phục vụ vận hành các hệ thống công trình thủy lợi”. Tổng cục Thủy lợi đang xây dựng.

(2) Dung tích trữ trong hồ chứa và tình hình sản xuất:

- Dung tích trữ trong các hồ chứa tại thời điểm xây dựng kịch bản;
- Diện tích sản xuất, ngừng hoặc chuyển đổi sản xuất (thống kê);
- Diện tích thiệt hại do thiếu nước (thống kê);
- Tình hình thực tế vận hành của hệ thống thủy lợi qua các năm.

❖ Các kịch bản tính toán phục vụ điều hành sản xuất

- Kịch bản nhiều nước (không hạn)
- Kịch bản trung bình (hạn nhẹ)
- Kịch bản ít nước (hạn vừa)
- Kịch bản rất ít nước (hạn nặng)

❖ Lượng mưa: Lựa chọn trạm Ba Đồn làm đại diện tính toán xây dựng kịch bản

- Các tần suất mưa tính toán tại trạm Ba Đồn

TT	P%	Đông Xuân
		X(mm)
1	25%	349
2	50%	263,08
3	75%	193

- Các kịch bản nguồn nước

TT	Kịch bản	Lượng mưa(mm)	Tần suất	Năm tương ứng
1	Kịch bản nhiều nước (không hạn)	>349	Mưa (<P25%)	2017, 2018
2	Kịch bản nước trung bình (hạn nhẹ)	263÷349	Mưa (P25-50%)	2016, 2011
3	Kịch bản ít nước (hạn vừa)	193÷263	Mưa (P50-P75%)	2012, 2010
4	Kịch bản rất ít nước (hạn nặng)	<193	Mưa (>P75%)	2009

- Dung tích trữ các hồ chứa và tình hình sản xuất

TT	Kịch bản	Nguồn nước trữ hồ chứa (triệu m ³)	Năm tương tự đã xảy ra	Phạm vi, mức độ ảnh hưởng
----	----------	--	------------------------	---------------------------



				(ha)
1	Kịch bản không thiếu nước (không hạn)	281÷374,1 (đạt từ 75% -100% DTTK)	2017, 2018	0
2	Kịch bản thiếu nước nhẹ (hạn nhẹ)	187÷281 (đạt từ 50% -75% DTTK)	2011	200÷450
3	Kịch bản ít nước (hạn vừa)	93,5÷187 (đạt từ 25% -50% DTTK)	2010	500÷1.000
4	Kịch bản rất ít nước (hạn nặng)	<93,5 (nhỏ hơn 25% DTTK)	-	-

Vụ Đông Xuân:

KB không hạn: Đông Xuân 2016-2017

+ Lượng mưa vụ: 536,4 mm (TBN 263 mm)

+ Tổng dung tích các hồ: 310 triệu m³

KB hạn nhẹ: Đông Xuân 2010-2011

+ Lượng mưa vụ: 294,3 mm (TBN 263 mm)

+ Tổng dung tích các hồ: 257 triệu m³

+ Tổng diện tích thiếu nước: 422 ha

KB hạn vừa: Đông Xuân 2009-2010

+ Lượng mưa vụ: 257,6 mm (TBN 263 mm)

+ Tổng dung tích các hồ: 185 triệu m³

+ Tổng diện tích thiếu nước: 504 ha

❖ Nhận định vụ Đông Xuân năm 2018-2019

1. Nguồn nước trữ đầu vụ Đông Xuân 2018-2019: Các hồ ở Quảng Bình có khả năng đạt từ 60%-80% thiết kế.

2. Tình hình mưa: Mưa vụ Đông Xuân 2018-2019 có khả năng thấp hơn TBN trên dưới 40% .

Vì vậy dự báo vụ Đông Xuân năm 2018-2019 ở tỉnh Quảng Bình có khả năng nằm trong khoảng giữa kịch bản hạn vừa và hạn nhẹ.

2. Khả năng cấp nước của công trình thủy lợi

Tính từ ngày 16/12/2018 đến hết vụ Đông Xuân năm 2018-2019, nhu cầu nước tại khu tưới của các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Quảng Bình là 85 triệu m³



Căn cứ theo dung tích hiện tại của các hồ chứa trên địa bàn tỉnh Quảng Bình, dự báo mưa trong các tháng tiếp theo và nhu cầu sử dụng nước của từng công trình, tính toán cân bằng nước cho từng công trình đã được thực hiện. Kết quả tính toán cho thấy tất cả các hồ tại tỉnh Quảng Bình đều đáp ứng hoàn toàn nhu cầu nước cho tới hết vụ Đông Xuân 2018-2019.

Kết quả tính toán cân bằng nước và dự báo khả năng đáp ứng nguồn nước phục vụ kế hoạch sản xuất vụ Đông Xuân năm 2018-2019 trên lưu vực Sông Gianh - Nhật Lệ được thể hiện dưới bảng sau:

STT	Tên công trình	Dung tích so với thiết kế (%)	Nhiệm vụ sản xuất (ha)	Dự báo vụ Đông Xuân 2018-2019			Ghi chú
				Dung tích so với TK (%)	Khả năng đáp ứng (%)	Diện tích đáp ứng (ha)	
1	Mình Cầm (Bẹ)	67	292,1	75	100	292,1	
2	Vực Sanh	15	299,3	24	100	299,3	Có khả năng hạn
3	Đồng Ran	14	290,0	27	100	290,0	Có khả năng hạn
4	Vực Nồi	31	507,1	37	100	507,1	Cấp nước sinh hoạt 0,0283 triệu m ³
5	Tiên Lang	25	700,0	34	100	700,0	Có khả năng hạn
6	Vực Tròn	59	1455,2	77	100	1455,2	
7	Sông Thai	46	256,6	65	100	256,6	
8	Trung Thuần	25	154,0	62	100	154,0	
9	Thác Chuối	13	715,5	87	100	715,5	Cấp nước sinh hoạt 2,989 triệu m ³
10	Phú Vinh	22	499,9	57	100	499,9	Cấp nước sinh hoạt 1,801 triệu m ³
11	Rào Đá	41	2181,3	56	100	2181,3	
12	Cầm Ly	54	627,2	63	100	627,2	
13	An Mã	38	173,6	59	100	173,6	
14	Phú Hòa	37	265,7	64	100	265,7	
15	Thanh Sơn	47	67,5	71	100	67,5	
16	Cửa Nghè	28	0,0	88	Không tưới		

3. Mức độ rủi ro hạn ở các vùng ngoài công trình thủy lợi

TT	Trạm	Vùng	Mưa hiện trạng và dự báo (mm)	So với mưa cùng thời đoạn (%)			Khuyến cáo
				Năm Min	TBNN	Năm Max	



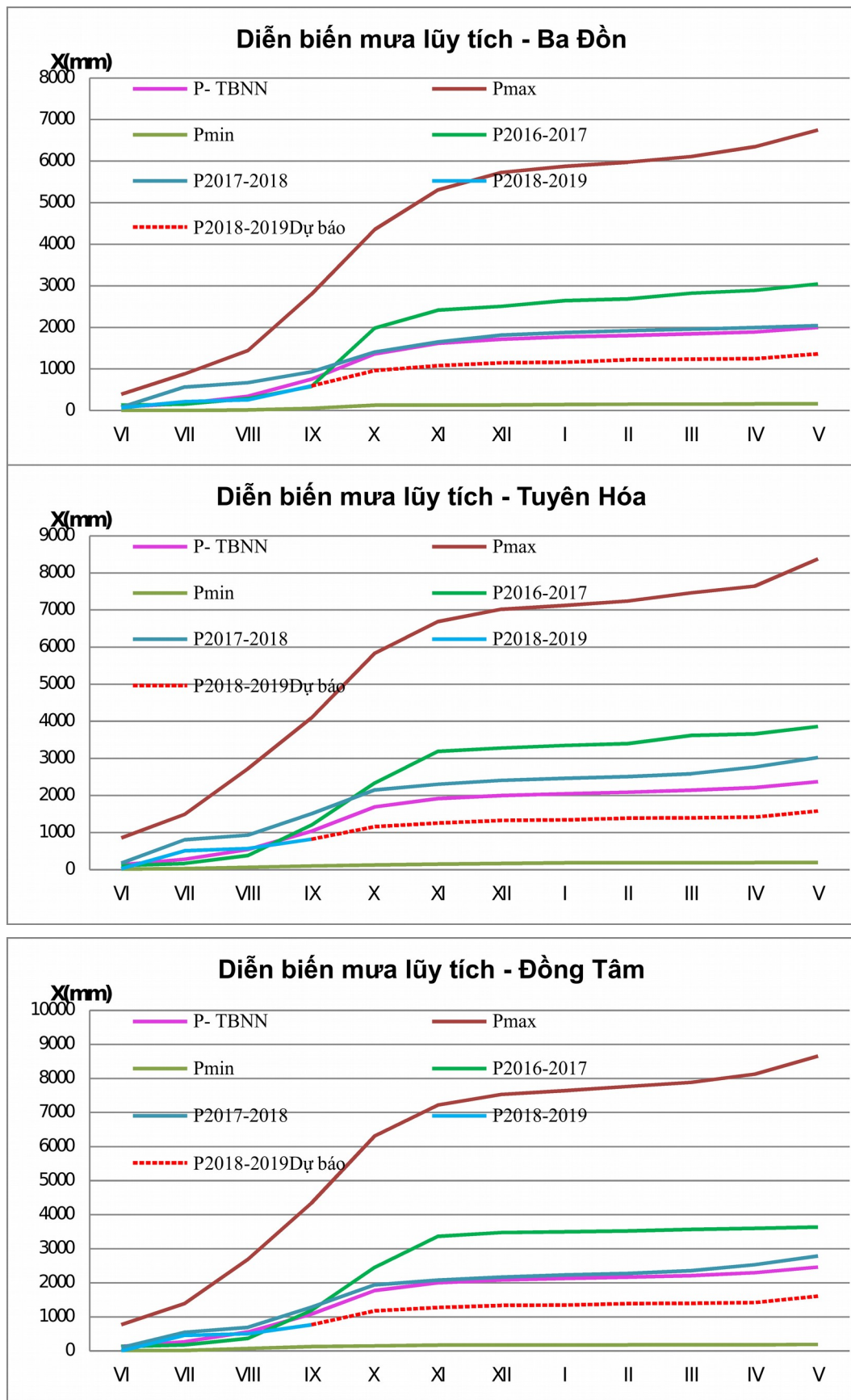
1	Ba Đồn	H. Quảng Trạch	1118,1	+570	-43	-83	Rủi ro hạn trung bình
2	Tuyên Hóa	H. Quảng Trạch	1266,3	+543	-45	-84	Rủi ro hạn trung bình
3	Đồng Hới	Tx. Đồng Hới, H. Lệ Thủy	1226,0	+573	-48	-85	Rủi ro hạn trung bình
4	Lệ Thủy	H. Lệ Thủy, H. Quảng Ninh	1021,0	+365	-52	-83	Rủi ro hạn trung bình
5	Kiến Giang	H. Lệ Thủy	1098,6	+416	-52	-84	Rủi ro hạn trung bình

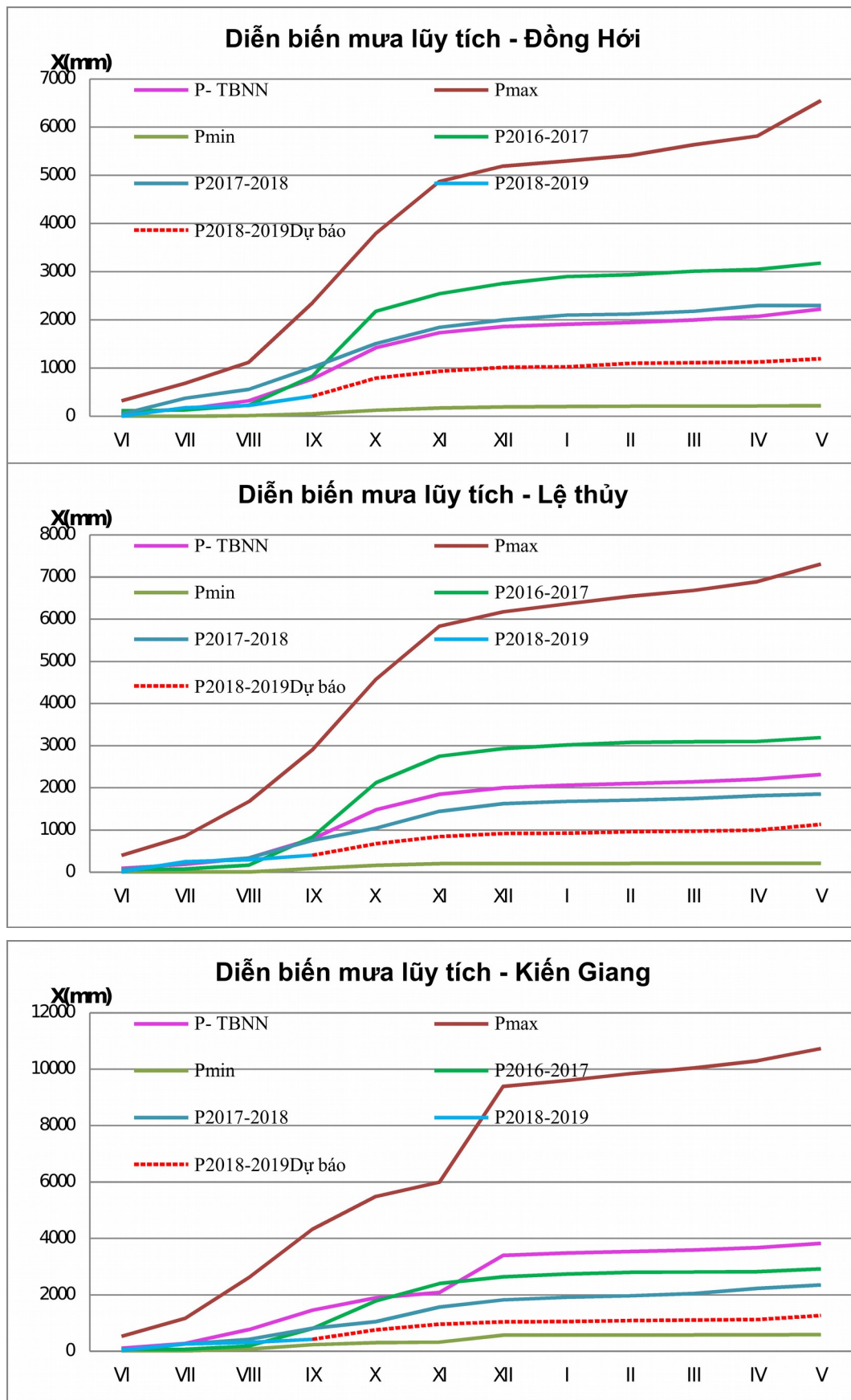
Nhận xét:

Vùng sông Gianh: Lượng mưa cộng dồn từ đầu tháng 6/2018 tính đến thời điểm hiện tại và lượng mưa dự báo tới cuối vụ Đông Xuân năm 2019 toàn vùng đều có thể thấp hơn TBNN từ 43-48%; So với cùng kỳ năm 2017 toàn vùng thiếu hụt khoảng $42,5 \div 56\%$, khả năng lượng nước có thể cung cấp nước ngầm đảm bảo thấp hơn mức trung bình nhiều năm

Vùng sông Nhật Lệ: Lượng mưa cộng dồn từ đầu tháng 6.2018 tính đến thời điểm hiện tại và lượng mưa dự báo tới cuối vụ Đông Xuân năm 2019 toàn vùng đều có thể thấp hơn TBNN từ 50-52%; So với cùng kỳ năm 2017 toàn vùng thiếu hụt khoảng $37 \div 56\%$, khả năng lượng nước có thể cung cấp nước ngầm đảm bảo thấp hơn mức trung bình nhiều năm







III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Căn cứ vào tình hình dự báo nguồn nước và khả năng đáp ứng của các hệ thống thủy lợi trên lưu vực sông Gianh - Nhật Lệ cho thấy lượng mưa dự báo trong vụ Đông Xuân 2018-2019 thấp hơn so với trung bình nhiều năm, qua tính toán đến thời điểm hiện tại hầu hết các công trình đều đáp ứng diện tích được giao. Tuy nhiên có những công trình đến cuối vụ Đông Xuân dung tích trữ thấp so với thiết kế như hồ Vực Sanh, hồ Đồng Ran, Vực Nồi và hồ Tiên Lang nếu không có mưa bổ sung thì dễ thiếu nước trong vụ Hè Thu. Vì vậy các địa phương lưu ý các biện pháp tưới tiết kiệm và tăng cường tích trữ nguồn nước trong hồ.

Thời gian tới đề nghị các địa phương cập nhật diễn biến thời tiết và các bản tin dự báo để có kế hoạch sản xuất và phương án chống hạn hiệu quả trong vụ Đông Xuân.

Bản tin tiếp theo sẽ được phát hành vào ngày 15/11/2018

Nơi nhận:

- Tổng cục Thủy lợi;
- Chi cục Thủy lợi tỉnh Quảng Bình;
- Công ty TNHH MTV khai thác CTTL Quảng Bình;
- Lưu Viện Quy hoạch Thủy lợi;

VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI

